

Bản án số: 103/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-11 -2018

V/v Yêu cầu “không công nhận
quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Văn Hùng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Thịnh
Bà Vũ Thị Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 370/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 08 năm 2018 về việc yêu cầu “không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị Kim T, sinh năm 1973 ; cư trú tại: Tổ T, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, (có mặt).

Bị đơn: Ông Đoàn Như D, sinh năm 1959; cư trú tại: Tổ T, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Thái Thị Kim T cho rằng: Bà T và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2000; gia đình chỉ tổ chức bữa cơm ra mắt họ hàng , không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì thiếu hiểu biết. Hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bất đồng quan điểm, phong cách sống không phù hợp, ông D thường ghen tuông vô cớ. Từ tháng 8 năm 2018 hai người sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải nên bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố: không công nhận quan hệ giữa bà T với ông Đoàn Như D là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông D có hai người con chung: Thái Đoàn Mai P, sinh ngày 30/12/2000 và Thái Đoàn Phương N, sinh ngày 17/5/2007; vì giữa bà T và ông D không có đăng ký kết hôn nên khi đăng ký khai sinh cho các con phải lấy họ của mẹ.

Nay bà T, ông D không thể tiếp tục sống chung với nhau, bà T có yêu cầu: Cháu P đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng Thái Đoàn Phương N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà T, ông D không thiếu nợ ai,

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đoàn Như D trình bày:

Ông D khai phù hợp nội dung trình bày của bà T về thời gian chung sống, con chung.

Về mâu thuẫn giữa ông D và bà T: Bà T có quan hệ tình cảm với người khác, sau đó bà T đã tự ý dọn ra ngoài sống. Ông D thừa nhận: Trong thời gian chung sống với bà T 2 người không đăng ký kết hôn. Nay không còn tình cảm với nhau, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông D với bà T là vợ chồng.

Về con chung: Ông D thừa nhận Thái Đoàn Mai P, sinh ngày 30/12/2000 và Thái Đoàn Phương N, sinh ngày 17/5/2007 là con chung của ông và bà T. Khi không còn chung sống với bà T ông D cho rằng: Con chung Thái Đoàn Mai P đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì, đồng ý để cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thái Đoàn Phương N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không thiếu nợ ai.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử 02 con chung có ý kiến: Trường hợp cha mẹ không còn chung sống với nhau thì nguyện vọng của Thái Đoàn Mai P muốn được ông Đoàn Như D trực tiếp nuôi dưỡng, Thái Đoàn Phương N mong muốn được bà Thái Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:

Dựa vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa Kiểm sát viên có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Thái Thị Kim T có đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố “không công nhận quan hệ vợ chồng” với bị đơn ông Đoàn Như D hiện đang sinh sống và trú tại phường M, **thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu thuộc thẩm quyền giải**

quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đoàn Như D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt để tham gia phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt), Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu: Không công nhận quan hệ sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn trong thời gian qua là vợ chồng. Trước khi ly thân, không còn sống chung bà T và ông D đã thỏa thuận: Giao con chung Thái Đoàn Mai P cho ông D trực tiếp nuôi, giao Thái Đoàn Phương N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

Bà Thái Thị Kim T, ông Đoàn Như D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay là thực tế; mặc dù có đủ điều kiện để kết hôn nhưng không thực hiện là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định: Quan hệ sống chung giữa bà T và ông D là không phù hợp quy định của pháp luật, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ quan hệ vợ chồng. Vì vậy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng ông D, bà T có hai con chung là: Thái Đoàn Mai P, sinh ngày 30/12/2000 và Thái Đoàn Phương N, sinh ngày 17/5/2007.

Trong giai đoạn thu thập chứng cứ bà T, ông D cho rằng: Con chung Thái Đoàn Mai P, sinh ngày 30/12/2000 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) là không chính xác; trong khi đó cháu P vẫn có nguyện vọng mong muốn được cha để trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xác định: Hiện tại bà T, ông D đều là những người có việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con sau khi 2 người không còn sống chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa, đáp ứng được nguyện vọng của con chung đó là: Giao Thái Đoàn Mai P cho ông Đoàn Như D trực tiếp nuôi dưỡng, giao bà Thái Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng Thái Đoàn Phương N; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa bà Thái Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T, ông D không thiếu nợ ai nên không xét.

Đối với bị đơn Đoàn Như D không có mặt tại phiên tòa; không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu gì nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bà Thái Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 và 84 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị Kim T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Thái Thị Kim T và ông Đoàn Như D là vợ chồng.

Về con chung: Bà Thái Thị Kim T và ông Đoàn Như D có hai người con chung. Giao Thái Đoàn Mai P, sinh ngày 30/12/2000 cho ông Đoàn Như D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao Thái Đoàn Phương N, sinh ngày 17/5/2007 cho bà Thái Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T, ông D không phải góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ông Đoàn Như D, bà Thái Thị Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của các con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thái Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004451 ngày 11/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp, bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lâm Văn Hùng